ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ THƯỢNG ĐÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 338/QĐ-UBND	*Thượng Đình, ngày 12 tháng 7 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai thu chi ngân sách 6 tháng năm 2022

UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ THƯỢNG ĐÌNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Xét đề nghị của ban tài chính, công chức Văn phòng – Thống kê xã Thượng Đình

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thu chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2022 của UBND xã Thượng Đình (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Uỷ ban nhân dân xã, Ban tài chính xã , các cán bộ chuyên môn, tập thể, cá nhân có liên quan thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Uỷ ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng xóm trong xã;
- Lưu: Văn phòng UBND, Ban Tài chính.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ
Chủ tịch

Dương Văn Tám

UỶ BAN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
XÃ THƯỢNG ĐÌNH	**Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**
Số : 04/BB-UBND	*Thượng Đình, ngày 12 tháng 7 năm 2022*

BIÊN BẢN
Niêm yết công khai số liệu thu chi ngân sách 6 tháng của UBND xã Thượng Đình năm 2022.

Hôm nay, hồi 8 giờ ngày 12 tháng năm 2022, tại UBND xã Thượng Đình gồm có:

1/ Đồng chí: Dương Văn Tám - Chủ chủ tịch UBND

2/ Đồng chí: Dương Thị Mai Lan - Kế toán Tài chính

3/ Đồng chí: Dương Đình Hiền - Văn phòng – Ghi biên bản

4./ Đồng chí : Nguyễn Như Văn - Phó chủ tịch HĐND xã

***/ Nội dung:**

Theo thông tư 343/2016/TT-BTC về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

UBND xã Thượng Đình Niêm yết công khai số liệu thu chi ngân sách 6 tháng của UBND xã Thượng Đình năm 2022 với nội dung sau:

- Nội dung niêm yết: Biểu công khai số liệu thu chi ngân sách 6 tháng năm 2022 của UBND xã Thượng Đình.

(Có biểu kèm theo).

- Thời gian niêm yết bắt đầu kể từ ngày: 12/7/2022 đến hết ngày 12/8/2022

- Hình thức niêm yết: Dán niêm yết tại UBND Xã, và trang thông tin điện tử xã.

Biên bản lập xong hồi 9 giờ cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN	**CHỦ TỊCH UBND XÃ**
Dương Đình Hiền	**Dương Văn tám**
Kế toán tài chính	**Phó Chủ tịch HĐND**
Dương Thị Mai Lan	**Nguyễn Như Văn**

UBND Xã Thượng Đình
Mã QHNS: 1013188

Biểu số 113/CK TC-NSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC
ngày 30/12/ 2016 của Bộ Tài chính)

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ (6 THÁNG, NĂM)

Từ tháng 1 đến tháng 6 Năm 2022

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (6 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3
I	**Tổng số thu**	**5.247.000.000**	**2.740.463.791**	**52,23**
1.	**Các khoản thu 100%**	**120.000.000**	**38.346.000**	**31,96**
2.	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**152.000.000**	**32.117.791**	**21,13**
3.	**Thu chuyển nguồn**			
4.	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**4.975.000.000**	**2.670.000.000**	**53,67**
	- Bổ sung cân đối ngân sách	4.975.000.000	2.670.000.000	53,67
	- Bổ sung có mục tiêu			
II.	**Tổng số chi**		**2.442.228.222**	
1.	Chi đầu tư phát triển			
2.	Chi thường xuyên		2.442.228.222	
3.	Dự phòng			

Ngày 12 tháng 7 năm 2022

Bộ phận tài chính, kế toán xã

Dương Thị Mai Lan

TM. UBND xã, phường, thị trấn
Chủ tịch
(Ký tên và đóng dấu)

Dương Văn Tán

UBND Xã Thượng Đình
Mã QHNS: 1013188

Biểu số 114/CK TC-NSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC
ngày 30/12/ 2016 của Bộ Tài chính)

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ

Từ tháng 1 đến tháng 6 Năm 2022

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
Tổng số thu	**497.000.000**	**5.247.000.000**	**630.568.981**	**2.831.142.051**	**127**	**54**
I. Các khoản thu 100%	**120.000.000**	**120.000.000**	**42.346.000**	**42.346.000**	**32**	**32**
- Phí, lệ phí	60.000.000	60.000.000	30.346.000	30.346.000	51	51
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu khác	60.000.000	60.000.000	12.000.000	12.000.000	13	13
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	**377.000.000**	**152.000.000**	**588.222.981**	**118.796.051**	**154**	**78**
1. Các khoản thu phân chia	101.000.000	75.000.000	148.605.970	86.678.260	147	116
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	30.000.000	30.000.000	4.250.544	4.250.544	14	14
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	19.000.000	19.000.000	20.500.000	20.500.000	108	108
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	52.000.000	26.000.000	123.855.426	61.927.716	238	238
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	276.000.000	77.000.000	433.435.011	32.117.791	157	42
- Thuế giá trị gia tăng	77.000.000	77.000.000	32.117.791	32.117.791	42	42
- Thuế TNDN	39.000.000		6182000			
- Thuế thu nhập cá nhân	160.000.000		401.317.220		251	
3. Thuế tiền sử dụng đất:						
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn						
V. Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		**4.975.000.000**		**2.670.000.000**		**54**
- Bổ sung cân đối ngân sách		4.975.000.000		2.670.000.000		54
- Bổ sung có mục tiêu						

Ngày 05 tháng 4 năm 2022

Bộ phận tài chính, kế toán xã

Dương Thị Mai Lan

TM. UBND xã, phường, thị trấn
Chủ tịch
(Ký tên và đóng dấu)

UBND Xã Thượng Đình
Mã QHNS: 1013188

Biểu số 115/CK TC-NSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC
ngày 30/12/ 2016 của Bộ Tài chính)

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ

Từ tháng 1 đến tháng 6 Năm 2022

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Dự toán			Ước thực hiện			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Tổng chi	**5.143.000.000**		**5.143.000.000**	**2.571.467.452**		**2.571.467.452**	**49**		**49**
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tư an toàn xã hội	771.000.000		771.000.000	397.716.781		397.716.781	52		52
- Chi dân quân tự vệ	461.000.000		461.000.000	249.968.781		249.968.781	54		54
- Chi trật tư an toàn xã hội	310.000.000		310.000.000	147.748.000		147.748.000	48		48
2. Chi giáo dục									
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế	81.000.000		81.000.000	40.230.000		40.230.000	50		50
5. Chi văn hóa, thông tin	35.000.000		35.000.000						
6. Chi phát thanh, truyền hình									
7. Chi thể dục, thể thao	25.000.000		25.000.000	25.000.000		25.000.000	100		100
8. Chi bảo vệ môi trường									
9. Chi các hoạt động kinh tế									
- Giao thông									
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản									
- Thị chính									
- Thương mại, du lịch									
- Các hoạt động kinh tế khác									
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.011.000.000		4.011.000.000	1.877.021.941		1.877.021.941	47		47
Trong đó: Quỹ lương				1.806.143.658		1.806.143.658			
10.1. Quản lý Nhà nước	1.942.000.000		1.942.000.000	1.005.289.299		1.005.289.299	52		52
10.2. Hội đồng nhân dân	405.000.000		405.000.000	148.759.244		148.759.244	37		37
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	720.000.000		720.000.000	305.845.727		305.845.727	42		42
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	410.000.000		410.000.000	158.789.980		158.789.980	39		39
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	125.000.000		125.000.000	75.440.744		75.440.744	60		44
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	125.000.000		125.000.000	55.150.870		55.150.870	44		44
10.7. Hội Cựu chiến binh	159.000.000		159.000.000	90.326.233		90.326.233	57		57
10.8. Hội Nông dân	125.000.000		125.000.000	58.419.844		58.419.844	47		47
10.9. Hội Chữ Thập đỏ									
10.10. Hội Người cao tuổi									
10.11. Hội khuyến học									
10.12. Chi hỗ trợ khác (nếu có)									

11. Chi cho công tác xã hội	220.000.000		220.000.000	102.259.500		102.259.500	46		46
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	220.000.000		220.000.000	102.259.500		102.259.500	46		46
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
- Trợ cấp xã hội									
- Khác									
12. Chi khác									
13. Dự phòng									
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									

Ngày 05 tháng 1 năm 2022

Bộ phận tài chính, kế toán xã

Dương Thị Mai Lan

TM. UBND xã, phường, thị trấn
Chủ tịch
(Ký tên và đóng dấu)

Dương Văn Tám